TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/DS-ST
Ngày 08-7-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Long;

2. Ông Trần Văn Chon.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 606/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1978 (có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 135/48/5 Phạm Đăng G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: Số 688/83/33 Tân Kỳ Tân Q, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay số 688/83/33 Tân Kỳ Tân Q, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Ông Trương Minh T, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Bà Lương Thị Kim A, sinh năm 1995 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Số 01/3 Đinh Chương D, Tổ 5, khu phố 1, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay số 01/3 Đinh Chương D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Võ Hòa G, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 135/48/5 Phạm Đăng G, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: Số 688/83/33 Tân Kỳ Tân Q, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay số 688/83/33 Tân Kỳ Tân Q, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Ông Phạm Phú T (vắng mặt);

+ Ông Sơn R (vắng mặt);

+ Ông Võ Trung H (vắng mặt);

+ Ông Hồ Ngọc N (vắng mặt);

+ Ông Phạm Quốc A và bà Phạm Thị T (vắng mặt);

+ Bà Lê Thị D (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 01/3 Đinh Chương D, Tổ 5, khu phố 1, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay số 01/3 Đinh Chương D, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19/8/2024, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà có cho vợ chồng bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T mượn số tiền 190.000.000 (Một trăm chín mươi triệu đồng), lần 1 mượn 60.000.000 đồng vào ngày 14/6/2023 ; lần 2 mượn 130.000.000 đồng vào ngày 15/9/2023. Bà Kim A và ông T có ký giấy mượn tiền và đưa cho bà 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04433 ngày 24/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp sở hữu chung cho bà Lương Thị Kim A, ông Phạm Phú T, ông Sơn R, ông Võ Trung H, ông Hồ Ngọc N, ông Phạm Quốc A, bà Phạm Thị T và bà Lê Thị D để làm tin. Thời gian đầu thì bà Kim A có trả tiền lãi nhưng hơn 01 năm nay thì không trả bất kỳ khoản tiền nào, bà đã nhiều lần đòi số tiền trên nhưng bà Kim A và ông T vẫn không trả. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T trả số tiền gốc là 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Bà đồng ý trả lại cho bị đơn 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04433 ngày 24/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Giấy mượn tiền ngày 14/6/2023, giấy mượn tiền ngày 15/9/2023 (bản phô tô có đối chiếu bản chính), căn cước công dân của bà L (bản sao), căn cước công dân ông Giải (bản phô tô), Thông báo đòi nợ, Vận đơn, 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04433 ngày 24/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp (bản sao).

** Tại biên bản hoãn phiên tòa ngày 10/6/2025 và tại phiên tòa, bị đơn bà Lương Thị Kim A trình bày:* Bà thừa nhận cùng chồng là ông Trương Minh T có mượn của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 190.000.000 đồng như bà L trình bày, bà có đóng lãi cho bà L khoảng 01 năm nhưng sau đó không còn khả năng để trả. Nay bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 190.000.000 đồng thì bà đồng ý. Tuy nhiên, gia đình bà hiện đang khó khăn không có khả năng trả nợ cho bà L, bà xin trả dần số tiền trên mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Các tài liệu chứng cứ mà bị đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Căn cước công dân của bà Kim A (bản phô tô), ngoài ra không nộp tài liệu, chứng cứ nào khác.

** Tại bản tự khai ngày 25/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hòa G trình bày:* Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Kim L, số tiền 190.000.000 đồng mà bà L cho vợ chồng bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T mượn là tài sản chung của vợ chồng. Ông thống nhất với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L.

Bị đơn ông Trương Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Phú T, ông Sơn R, ông Võ Trung H, ông Hồ Ngọc N, ông Phạm Quốc A, bà Phạm Thị T và bà Lê Thị D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền 190.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, không đồng ý đề nghị của bị đơn trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04433 ngày 24/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8:*

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định. Tuy nhiên, có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Trương Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Phạm Phú T, ông Sơn R, ông Võ Trung H, ông Hồ Ngọc N, ông Phạm Quốc A, bà Phạm Thị T và bà Lê Thị D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra

xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt họ và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã Tân An H, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bị đơn bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T trả số tiền 190.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lần 1 mượn 60.000.000 đồng vào ngày 14/6/2023; lần 2 mượn 130.000.000 đồng vào ngày 15/9/2023. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bà Lương Thị Kim A tại phiên tòa có cơ sở xác định: Bị đơn bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T có nợ của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 190.000.000 đồng. Quá trình vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 190.000.000 đồng, trả ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận. Nguyên đơn đồng ý trả lại cho bị đơn 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04433 ngày 24/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét lời trình bày của bị đơn bà Lương Thị Kim A xin trả dần số tiền 190.000.000 đồng, trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ, đề nghị này của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên; căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bị đơn bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 190.000.000 đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T phải trả tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành. Đồng thời, buộc bà Nguyễn Thị Kim L trả 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04433 ngày 24/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp sở hữu chung cho bà Lương Thị Kim A, ông Phạm Phú T, ông Sơn R, ông Võ Trung H, ông Hồ Ngọc N, ông Phạm Quốc A, bà Phạm Thị T và bà Lê Thị D cho bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 190.000.000 (Một trăm chín mươi triệu đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L trả 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS04433 ngày 24/5/2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp sở hữu chung cho bà Lương Thị Kim A, ông Phạm Phú T, ông Sơn R, ông Võ Trung H, ông Hồ Ngọc N, ông Phạm Quốc A, bà Phạm Thị T và bà Lê Thị D cho bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lương Thị Kim A và ông Trương Minh T phải chịu là 9.500.000 (Chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí 4.750.000 (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016218 ngày 08/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 8;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Thanh Thà

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 28 tháng 02 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 28 tháng 02 năm 2023

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 364/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Tuyền, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Hẻm 1127/13 Tỉnh lộ 43, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Tích Song, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 9, Ấp 6, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử đã thống nhất quyết định:

I. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi bổ sung năm 2014).

Kết quả biểu quyết: 3/3.

II. Về nội dung:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Ngọc Tuyền.

Buộc ông Lê Tích Song phải trả cho ông Trần Ngọc Tuyền số tiền 40.000.000 (Bốn mươi triệu đồng), trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Tích Song có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày ông Trần Ngọc Tuyền có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lê Tích Song phải chịu là 2.000.000 (Hai triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Trần Ngọc Tuyền số tiền tạm ứng án phí 1.112.500 (Một triệu một trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0044972 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút ngày 28 tháng 02 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**